

Cùng đề cao “sự phát hiện” của người học — một số gợi ý khi dạy ngữ pháp —

[Truy cập bản gốc \(Tiếng Nhật\) ở đây](#)

1. Mở đầu

Khi đưa ra một mẫu câu trong giờ học, các thầy cô thường dẫn dắt như thế nào? Bản tin kỳ này sẽ giới thiệu cách thúc đẩy giúp học viên “phát hiện” ngữ pháp. “Phát hiện” ở đây có nghĩa là tự học viên có thái độ chủ động nhận ra. Cách dạy này sẽ hữu ích đối với những giáo viên có xu hướng đưa ra kiến thức một chiều và luôn băn khoăn “sao giờ học toàn là giải thích, không thú vị gì cả”, “học viên không nắm chắc bài”. Ngoài ra, ngay cả với những giáo viên đang cố gắng giúp học viên phát hiện ngữ pháp trong giờ học, nhưng vẫn trăn trở “cố gắng thực hiện giờ học để học viên chủ động nhưng không khí không sôi nổi”, “không thấy hiệu quả”, thì hãy đọc phần “3. Lưu ý khi áp dụng vào giờ học” và suy ngẫm lại về giờ học của mình.

2. Ví dụ về hoạt động thúc đẩy “phát hiện”

Phần này đưa ra hai hoạt động ví dụ. Hai hoạt động có nội dung khác nhau nhưng vẫn có điểm tương đồng. Các bạn hãy thử suy nghĩ xem với hai hoạt động này, giáo viên sử dụng “phương pháp thúc đẩy phát hiện” nào?

Hoạt động ví dụ 1: Suy nghĩ cách chia thể TE

Ví dụ 1 là quy tắc chia thể TE. Mặc dù có nhiều cách dạy chia thể TE nhưng dưới đây là hoạt động giúp học viên tự phát hiện quy tắc của thể này.

Các bước thực hiện

1) Giáo viên phát bảng dưới đây:

A 買 <small>か</small> います→買 <small>か</small> って	B 飛 <small>と</small> びます→飛 <small>と</small> んで	C 書 <small>か</small> きます→書 <small>か</small> いて
D 話 <small>はな</small> します→話 <small>はな</small> して	E 歌 <small>うた</small> います→歌 <small>うた</small> って	F 遊 <small>あそ</small> びます→遊 <small>あそ</small> んで
G 聞 <small>き</small> きます→聞 <small>き</small> いて	H 貸 <small>か</small> します→貸 <small>か</small> して	I 言 <small>い</small> います→言 <small>い</small> って
J 呼 <small>よ</small> びます→呼 <small>よ</small> んで	K 働 <small>はたら</small> きます→働 <small>はたら</small> いて	L 消 <small>け</small> します→消 <small>け</small> して

2) Cho học viên gạch chân dưới chữ trước 「ます」. Ví dụ: 買かいます 飛とびます

3) Cho học viên nhìn kỹ phân gạch chân, từ đó tự phân loại động từ thành 4 nhóm



4) So sánh đáp án với cả lớp

「い」のグループ…買かいます・歌うたいます・言いいます

「び」のグループ…飛とびます・遊あそびます・呼よびます

「き」のグループ…書かきます・聞ききます・働はたらきます

「し」のグループ…話はなします・貸かします・消けします

5) Học viên tự suy nghĩ xem mỗi nhóm động từ chuyển sang thể TE như thế nào

6) Chia học viên thành các nhóm, các nhóm trao đổi về quy tắc chia thể TE

7) Cho từng nhóm nêu ý kiến. Nếu có nhóm đưa ra cách chia không đúng, giáo viên kết hợp hỏi ý kiến của học viên khác và sửa lại.

Hoạt động ví dụ 2: Suy nghĩ ý nghĩa của “～させる”

Ví dụ 2 là “～させる”. Mỗi cấu trúc ngữ pháp có nhiều ý nghĩa nhưng học viên sẽ chưa thể hệ thống được các ý nghĩa đó. Trong trường hợp này, hoạt động ví dụ sau đây sẽ hữu ích để sắp xếp lại kiến thức. Mục tiêu của hoạt động là giúp học viên phát hiện ý nghĩa của “～させる” là “ép buộc” và “cho phép”.

Các bước thực hiện

1) Giáo viên phát tờ in như dưới đây. Tờ in gồm các câu và hội thoại chứa cấu trúc “～させる” có các ý nghĩa khác nhau.

- A. 留学に行きたいという息子の意思是固かった。仕方ないので、行かせることにした。
- B. <アルバイト先にて>
キム：すみません、来月は学校が忙しくて、休ませていただきたいんですが…。
店長：あー、そうですか。それじゃ、ちょっと、考えてみますね。
- C. 生徒にたくさん漢字を書かせる教師が多い。しかしそれは、生徒としては本当にいやなことだ。
- D. <メールにて>今回はご応募いただき、誠にありがとうございます。いただいた資料を確認させていただき、後ほどご連絡いたします。
- E. うちの犬は、散歩が本当に嫌いらしい。仕方ないので、無理やり散歩させている。
- F. <家にて>
夫：どうしよう、太郎が変なもののみこんじゃった…！
妻：ちょっと、早く、吐き出させて！

2) Cho học viên gạch chân “～させる”

3) Cho học viên biết rằng “～させる” trong tờ 1) có thể chia thành hai ý nghĩa

4) Học viên tự suy nghĩ xem chia như thế nào

5) Chia học viên thành các nhóm, các nhóm trao đổi về cách phân loại, phân loại “～させる” thành các ý nghĩa gì

6) Cho từng nhóm nêu ý kiến

7) Giáo viên vừa nghe ý kiến của các nhóm vừa tổng hợp lại các cách phân loại của học viên. Nếu có nhóm đưa ra cách phân loại không đúng, giáo viên kết hợp hỏi ý kiến của học viên khác và sửa lại.



Ở hoạt động này, mẫu câu trong ABD mang nghĩa “cho phép”, CEF có nghĩa “ép buộc”. Tùy thuộc vào trình độ của học viên, nếu thấy hoạt động này khó thì giáo viên có thể phân loại các ví dụ theo nghĩa “ép buộc” và “cho phép” ngay từ đầu. Sau đó, cho học viên trao đổi theo nhóm về ý nghĩa của mẫu câu.

3. Lưu ý khi áp dụng vào giờ học


Qua hai hoạt động ví dụ trên, các bạn có tìm ra “phương pháp thúc đẩy phát hiện” không? Ở phần này, hãy cùng xác nhận 3 điểm lưu ý khi áp dụng vào giờ học nhé.

Lưu ý 1: Đưa ra nhiều ví dụ

Chắc hẳn các bạn cũng thường đưa ra ví dụ trong giờ học. Tuy nhiên, có khi nào bạn chỉ đưa ra một ví dụ duy nhất không? Giống như việc giải đố là càng có nhiều gợi ý thì càng dễ giải, nếu có nhiều ví dụ thì học viên sẽ dễ dàng phát hiện được quy tắc. Ngược lại, nếu có ít ví dụ thì việc suy nghĩ sẽ khó khăn hơn, khiến học viên áp lực hơn. Điều quan trọng là không làm hoạt động trở nên khó hơn đối với học viên.

Bên cạnh đó, các bạn hãy xem lại những ví dụ mình đã đưa ra. Các bạn có thường lấy các ví dụ như là “教師は学生に教科書を読ませた” không? Tiếng Nhật sử dụng trong hội thoại thường chỉ ngắn gọn

như “ちょっとこれ、^{あじみ}味見させて” mà thôi. Ngoài ra, giáo viên có thể đưa ra nhiều ví dụ trong nhiều tình huống như ví dụ trong hội thoại, trong mail, từ đó học viên sẽ biết thêm các cách sử dụng thực tế.

Các bạn có thể tham khảo trang [機能語用例文データベース はごろも](#)  (Hagoromo - cơ sở dữ liệu các câu ví dụ cho từ) khi nghĩ câu ví dụ. Trang web đăng tải nhiều ví dụ theo từng cấu trúc ngữ pháp nên các bạn có thể xem cách sử dụng thực tế của mỗi cấu trúc.

Ngoài ra, các bạn cũng có thể xác nhận trước cách sử dụng của các cấu trúc qua việc xem phim và truyện tranh hằng ngày.

Lưu ý 2: Cho học viên tự phát hiện quy tắc

Giáo viên cho học viên suy nghĩ nhưng sau đó không hỏi học viên nghĩ quy tắc gì mà nói luôn đáp án, bạn đã từng như vậy chưa? Học viên đã cố gắng suy nghĩ nên hãy để học viên thể hiện suy nghĩ đó bằng lời của mình. Dù có sai cũng không sao. Điều quan trọng nhất của hoạt động này không phải là tìm ra câu trả lời chính xác, mà đó là việc cho học viên suy nghĩ “không biết đó là quy tắc nào nhỉ”.

Khi học viên nói sai, giáo viên cũng không đưa ra câu trả lời ngay mà hãy hỏi các học viên khác “mọi người nghĩ sao?”. Nếu ngay cả khi ấy mà học viên cũng không nghĩ ra, có chiều hướng đi theo câu trả lời sai thì giáo viên có thể gợi ý. Việc giáo viên luôn giữ vai trò “người hỗ trợ” như vậy rất quan trọng.

Lưu ý 3: Không thúc giục học viên “phát hiện”

Một điều rất quan trọng khi thúc đẩy “sự phát hiện” của học viên là không thúc giục việc đó. Nếu giáo viên đưa ra nhiều ví dụ cùng lúc và hỏi đột ngột “nào, các bạn có phát hiện ra điều gì không?” thì học viên sẽ không thể trả lời ngay. Vì vậy, giáo viên nên tiến hành theo từng bước nhỏ cho đến khi học viên tự phát hiện, giống như nội dung hoạt động đã nêu ở phần trước: đầu tiên, cho học viên gạch chân phần cần lưu ý, cho thời gian tự suy nghĩ,....



Trên đây là 3 lưu ý trong giờ học, ngoài ra, việc cân nhắc và áp dụng “phương pháp thúc đẩy phát hiện” phù hợp với lớp học của mình cũng rất quan trọng. Tình huống thường xảy ra là dù giáo viên đã chuẩn bị nhiều ví dụ nhưng giờ học lại không suôn sẻ, hay dù giáo viên có khích lệ thì học viên cũng không nói,... Tuy nhiên, giáo viên đừng bỏ cuộc, hãy tham khảo các lưu ý phía trên và tiếp tục suy nghĩ “mình phải làm gì để thúc đẩy “sự phát hiện” của học viên lớp mình?”. Giáo viên có thể thử rất nhiều cách, ví dụ đối với học viên không quen phát biểu trước lớp thì cho người đó viết thay vì nói; giáo viên đưa ra các phương án trả lời để học viên lựa chọn,...

4. Lợi ích của việc thúc đẩy phát hiện

Việc đề cao “sự phát hiện” của học viên sẽ mang lại những lợi ích sau đây.

Lợi ích 1: Dễ tiếp thu nội dung học

Các bạn có thấy rằng so với việc nghe mãi một nội dung, nếu mình tự suy nghĩ thì sẽ nhớ lâu hơn không?

Về việc thúc đẩy phát hiện thông qua nhiều ví dụ, có một phương pháp học khác tương tự là DDL (Data-Driven Learning). Với phương pháp học này, người học sẽ tự suy nghĩ dựa trên các dữ liệu thực tế, từ đó phát hiện ra quy luật. Theo kết quả nghiên cứu về ưu điểm của phương pháp này, giờ học áp dụng DDL giúp người học dễ tiếp thu bài học hơn là giờ học có giáo viên là trung tâm (西垣他^{にしがきほか}2015). Tuy các hoạt động ví dụ được đưa ra trong bản tin này khác với DDL nhưng nghiên cứu tiên phong đó đã chứng minh rằng việc đề cao “phát hiện” của người học sẽ mang lại lợi ích.

Lợi ích 2: Học được nhiều kỹ năng

Hãy cùng nhìn lại các bước thực hiện 2 hoạt động ví dụ ở phần trên. Với những hoạt động này, học viên không chỉ suy nghĩ một mình mà có thời gian cùng trao đổi với các học viên khác để đưa ra ý tưởng. Ngoài ra, vì giáo viên không đưa ra đáp án ngay nên học viên có thời gian để suy nghĩ về quy luật.

Tóm lại, các hoạt động đó không phải chỉ để học quy tắc của thể TE hoặc chỉ để hệ thống lại cách chia ngữ pháp, mà mục đích là hình thành cách tư duy và tinh thần hợp tác với người khác thông qua việc chia sẻ và sắp xếp những điều mình nhận ra. Đồng thời, các hoạt động này cũng nhằm rèn luyện khả năng tự học cho học viên. Cách học này phù hợp với việc đào tạo bộ kỹ năng thế kỷ 21 – hiện đang được chú trọng tại rất nhiều nước.

Lợi ích 3: Rèn luyện khả năng mở rộng thế giới tiếng Nhật của bản thân

Trình độ tiếng Nhật càng cao thì học viên càng có nhiều cơ hội tiếp xúc với tiếng Nhật một cách đa dạng và phong phú. Vốn tiếng Nhật của học viên cứ dần dần mở rộng từ các từ ngữ lịch sự, từ ngữ giới trẻ, báo cáo, luận văn, rồi đến các bài đăng trên mạng xã hội,... thật khó để giáo viên có thể hỗ trợ một cách cặn kẽ. Tuy nhiên, bằng việc giúp học viên tự phát hiện các quy luật của ngôn ngữ, học viên có thể tự quan sát ngôn ngữ một cách chi tiết ngoài giờ học, từ đó thế giới tiếng Nhật của học viên sẽ ngày càng rộng mở.

Các bạn thấy sao? Các bạn không cần thay đổi toàn bộ giờ học ngay mà hãy bắt đầu trong khả năng có thể như: thay đổi trình tự giờ học, thêm các câu hỏi gợi mở,... Hãy tin tưởng học viên, khi học viên bước sang trình độ Sơ cấp thì dần dần giúp học viên chú ý và đề cao các “phát hiện”. Ngoài ra, các bạn hãy cố gắng tìm ra “phương pháp thúc đẩy phát hiện” phù hợp với lớp học của mình.

Nguồn tham khảo:

- あんどうせつこ おがわよしみ (2001) 『にほんごぶんぽうえんしゅう 自動詞・他動詞、使役、受身 - ポイス』スリーエーネットワーク
- こくさいこうりゅうききん (2010) [日本語教授法シリーズ](#) 第4巻 『ぶんぽう 文法を教える』ひつじ書房
- にしがきちかこ こやまよしのり かみやのぼる よこたあずさ にしがたかし (2015) 「くどうがたがくしゅう データ駆動型学習と Focus on Form - ちゅうがくせい 中学生のための帰納的な語彙・きのうてき 文法学習の実践 -」 『じっせん KATE Journal』 29, pp.113-126.
- にしがきちかこ こやまよしのり かみやのぼる おざき にしがたかし よこたあずさ (2015) 「フォーカス・オン・フォーム に取り入れるデータ駆動型学習の くどうがたがくしゅう 効果の検証」 『えいごじゅぎょうけんきゅう 英語授業研究 学会』 24, pp.49-63.

- ^{にしがきちかこ}西垣千佳子 (2019) 「「^き気づき」と「^{りかい ていちやく}理解・定着」をつなぐ DDL 文法指導」『^{えいご}英語教育』 67 (11) , pp.34-35, ^{たいしゅうかんしょてん}大修館書店
- ^{ほりけいこ}堀恵子・^{リジェホ}李在鎬・^{はせべよういちろう}長谷部陽一郎 (2016) 「^{きのうごようれいぶん}機能語用例文データベース「はごろも」について」『^{けいりょうこくご}計量国語学』 30 (5) , pp.275-285.
- ^{まつおともあき}松尾知明 (2015) 『^{せいきがた}21世紀型スキルとは^{なに}何かー^{もと}コンピテンシーに基づく^{きょういくかいかく}教育改革の^{こく}国際比較』 ^{あかししょてん}明石書店
- ^{まつもとこうじ}松本剛次 (2021) 『^{せいきがたのうりよく}21世紀型能力と^{にほんごきょういく}日本語教育ー^{ひばんてきにほんごきょうしけんしゅう}批判的日本語教師研修モデルの^{てい}提案ー』 ^{あん}早稲田大学出版部
- ^{よこたあずさ}横田梓 (2019) 「^{ちゅうがっこう}中学校における^{くどうがたがくしゅう}データ駆動型^{じっせん}学習の^{ばん}実践ー^{ばん}デジタル版DDLで「^{たんきゅう}探求する^{ぶんぼうがくしゅう}文法学習」を目指す」『^{えいご}英語教育』 67 (11) , pp.36-37, ^{たいしゅうかんしょてん}大修館書店

(SHIMIZU Masako/Giáo viên chuyên nhiệm tại Trung tâm Quốc tế tiếng Nhật)

Bản gốc (Tiếng Nhật): Trang web của Quỹ Giao lưu Quốc tế Nhật bản

^{にほんごきょういくつうしん}日本語教育通信 ^{じゅぎょう}授業のヒント ^{がくしゅうしゃ}学習者の「^き気づき」を^{たいせつ}大切にしてみませんか

^{ぶんぼう}一文法を教える^{おし}時の^{とき}一工夫^{ひとくふう} (đăng tải vào tháng 3 năm 2022)

<https://www.jpff.go.jp/j/project/japanese/teach/tsushin/hint/202203.html>